TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-PT
Ngày: 24-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quản

Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín

Ông Trần Phước Hiệu

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Trung – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐ-PT ngày 27/12/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 14/2022/TB-TA ngày 18/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐ-PT ngày 07/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 204 đường ĐT 720, thôn 4, xã V H, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Hồ Thị Ng, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 378 đường ĐT 720, thôn 6, xã V H, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Thành C, sinh năm 1969.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Số 204 đường ĐT 720, thôn 4, xã V H, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1969.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Hồ Thị Ng, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Số 378 đường ĐT 720, thôn 6, xã V H, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn Hồ Thị Ng.

Tại phiên tòa, có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thành C trình bày:

Bà và bà Ng quen biết nhau từ năm 2011, hai bên có vay và cho vay với nhau nhiều lần. Ngày 04/4/2016 (âm lịch), tức ngày 10/5/2016 (dương lịch) bà Ng có hỏi vay bà số tiền 110.000.000 đồng, mục đích để trả nợ, lãi suất do hai bên thỏa thuận bằng miệng, ban đầu là lãi 3%/tháng, sau này do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà có nói với bà Ng chỉ tính lãi 2%/tháng. Khi bà cho bà Ng vay thì bà và bà Ng thỏa thuận khi nào bà làm nhà thì phải trả cho bà, đến đầu năm 2019 thì bà làm nhà, bà có đòi bà Ng nhiều lần để trả cho bà, nhưng bà Ng chỉ trả cho bà tiền lãi là 1.100.000đồng, sau đó không trả gốc và lãi nữa. Bà Ng có nói với bà cứ làm nhà xong rồi bà trả, nhưng sau khi làm nhà xong thì bà Ng vẫn không trả cho bà.

Nay bà yêu cầu bà Ng và ông Nguyễn Đình L (chồng bà Ng) phải liên đới trả cho bà số tiền gốc là 110.000.000đồng và tiền lãi là 1,125%/tháng, tính từ ngày vay cho đến nay.

Bị đơn bà Hồ Thị Ng đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình L trình bày:

Bà và bà B có quen biết nhau, nên bà có hỏi vay của bà B từ năm 2014, số tiền 110.000.000 đồng mà bà B kiện bà đúng là giấy vay là chữ ký, chữ viết của bà. Số tiền này bà không nhớ lúc đầu vay bao nhiêu, vay dùng vào mục đích gì, nhưng theo bà số tiền 110.000.000 đồng này là nằm trong số tiền 115.900.000 đồng; trước đây bà đã trả cho bà B số tiền 5.900.000 đồng, số còn lại là 110.000.000 đồng thì bà đã trả được 86.000.000đồng, cụ thể trả như sau: Ngày 30/12/2016 (âm lịch) trả 6.000.000đồng, ngày 25/6/2018 (âm lịch) trả 50.000.000đồng, tiếp theo bà trả số tiền 20.000.000đồng không ghi ngày tháng, ngày 03/5/2019 (âm lịch) trả số tiền 10.000.000đồng. Còn việc bà B khai rằng bà có trả lãi 1.100.000 đồng tiền lãi thì bà không nhớ.

Bà chỉ đồng ý trả số tiền còn lại là 24.000.000đồng tiền gốc; không đồng ý trả lãi suất.

Sau khi hòa giải không thành, ngày 31/5/2021, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 17/2021/DS-ST, quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 264, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 30 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu về tiền gốc và tiền lãi của nguyên đơn.

Buộc bà Hồ Thị Ng và ông Nguyễn Đình L phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Thành C tổng số tiền 184.016.000 đồng (trong đó 110.000.000 đồng tiền gốc và 74.016.000 đồng tiền lãi).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và việc thi hành án dân sự.

Ngày 14/6/2021, bị đơn Hồ Thị Ng kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Hồ Thị Ng vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm vì lý do bà đã trả cho bà Bình 86.000.000 đồng chỉ còn nợ gốc 24.000.000đồng; về lãi giữa bà và bà Bình thống nhất không tính lãi suất, nên bà không đồng ý trả lãi.

- Bà Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận kháng cáo của bà Ng; xác định đã cho bị đơn vay 110.000.000 đồng, bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản nào.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật; về nội dung: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng vay không thời hạn và có lãi nhưng các bên có tranh chấp về lãi suất. Căn cứ vào giấy nhận nợ đề ngày 04/4/2016 và sự thừa nhận của các bên, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 110.000.000đ tiền gốc là có căn cứ. Cấp sơ thẩm xác định hợp đồng vay có thời hạn và tính lãi suất 1,125%/tháng là không có căn cứ và tuyên lãi suất chậm thi hành án không phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần lãi, tính lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 kể từ thời điểm nguyên đơn thông báo thời gian hợp lý để đòi nợ đến khi xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày và tranh luận của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Bình khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Ng, ông L trả khoản nợ vay với số tiền 110.000.000 đồng và cung cấp giấy mượn tiền có nội dung: *"4-4 -2016 Ng nợ tiền gốc B công bố tiền là (11000.000) một trăm mười triệu đồng"*. Tại phiên tòa, bà Ng thừa nhận chữ ký, chữ viết nêu trên là của bà Ng. Do vậy, có đủ căn cứ khẳng định, tính đến ngày 04/4/2016 (AL), bà Ng có nợ bà B 110.000.000đ.

[2] Ngoài giấy nhận nợ ngày 04/4/2016, giữa bà B và bà Ng còn có giấy nhận nợ vào năm 2014 với nội dung bà Ng có nợ bà Bình 115.900.000đ. Bà Ng cho rằng hai khoản nợ trên là một, vì khoản nợ 115.900.000đ vào năm 2014, bà đã trả được 5.900.000đ, nên tới năm 2016 chốt nợ lại còn 110.000.000đ, nhưng do sơ suất nên bà không yêu cầu bà B hủy giấy nhận nợ cũ, bà B cho rằng khoản nợ theo các giấy nhận nợ năm 2014 và 2016 là hoàn toàn khác nhau. Xét thấy, giấy nhận nợ năm 2014 bà Ng ghi "*Ng còn nợ lại B số **tiền lãi** là 115.900.000đ"*; giấy nhận nợ năm 2016 bà Ng ghi "*Ng **nợ tiền gốc** B công bố tiền là (11000.000) một trăm mười triệu đồng"*. Như vậy, nội dung hai giấy nhận nợ này là khác nhau, khoản nợ năm 2014 là nợ lãi, khoản nợ năm 2016 là nợ gốc. Mặt khác về số tiền chênh lệch giữa 2 giấy nhận nợ nêu trên bà Ng trình bày không thống nhất, tại cấp sơ thẩm, bà Nguyệt khai đã trả cho bà B 5.900.000đ, tại phiên tòa phúc thẩm bà Ng lại khai bà chưa trả cho bà B 5.900.000đ nhưng bà B cho bà số tiền lẻ là 5.900.000đ, nên chỉ chốt nợ 110.000.000đ. Chứng minh cho 2 khoản nợ, bà B đưa ra 2 giấy nhận nợ do bà Ng viết, bà N phản đối chứng cứ của nguyên đơn nhưng không đưa ra tài liệu chứng cứ nào đề chứng minh 2 khoản nợ trong 2 giấy nhận nợ nêu trên là cùng một khoản nợ nên ý kiến của bà Ng không có cơ sở chấp nhận.

[3] Bà Ng khai đã trả cho bà B 86.000.000 đồng. Bà B cũng thừa nhận bà Ng đã trả cho bà 86.000.000 đồng nhưng là trả cho khoản vay theo giấy nhận nợ năm 2014. Khi giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo giấy nhận nợ năm 2014, Tòa án huyện Đức Linh và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã khấu trừ số tiền bà Ng đã trả vào số nợ phải trả. Do vậy, bà Ng tiếp tục yêu cầu khấu trừ số tiền đã trả 86.000.000 đồng cho khoản nợ 110.000.000đ là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà phải trả cho bà B 110.000.000đ tiền gốc là đúng pháp luật.

[4] Cả nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thống nhất: Ngày 04/4/2016 (AL) không phải là ngày vay tiền mà khoản vay này diễn ra trước năm 2016 và ngày 04/4/2016 là ngày chốt nợ. Hai bên không cung cấp cho Tòa án hợp đồng vay tiền trước năm 2016. Tại giấy nhận nợ ghi ngày ngày 04/4/2016, hai bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nguyên đơn trình bày lãi suất các bên thỏa thuận là 3% tháng, thời hạn trả nợ là ngày nguyên đơn làm nhà, bị đơn cho rằng khi viết giấy nhận nợ ngày 04/4/2016, hai bên thống nhất không tính lãi, không có thỏa thuận khi nào nguyên đơn làm nhà thì trả. Như vậy,

nguyên đơn trình bày như trên nhưng không được bị đơn thừa nhận và nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ. Theo giấy nhận nợ nêu trên, thì đây là hợp đồng vay tài sản không có lãi và không kỳ hạn. Nguyên đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc đã thông báo đòi nợ từ khi nào. Cấp sơ thẩm xác định là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn (đến khi nguyên đơn làm nhà) và có lãi là không chính xác. Do vậy, yêu cầu tính lãi suất với mức 1,125%/tháng của nguyên đơn từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận. Cấp phúc thẻ sẽ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm về phần lãi.

[5] Về áp dụng pháp luật: Thỏa thuận của các bên tại giấy nhận nợ ngày 04/4/2016 phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, hợp đồng chưa được thực hiện nên theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[6] Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận (110.000.000 đ), nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của không được Tòa án chấp nhận (74.016.000 đồng tiền lãi). Do sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồ Thị Ng. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 469, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 30 và 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Buộc bà Hồ Thị Ng và ông Nguyễn Đình L phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Thành C số tiền 110.000.000 đồng nợ gốc.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc buộc bà Hồ Thị Ng phải trả lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến

khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

- Buộc vợ chồng bà Hồ Thị Ng và ông Nguyễn Đình L phải nộp 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hồ Thị Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà Ng 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005416 ngày 23/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.700.000 đồng nhưng trừ vào số tiền 5.109.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003863 ngày 12/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Trả lại cho bà B 1.409.500 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/3/2022)

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quản